

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THÁI HÒA
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 02/2024/DS-ST
Ngày 31 tháng 7 năm 2024
“*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Xuân Quyền

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Đậu Đức Đông
2. Ông Võ Chí Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ dân sự thụ lý số 06/2024/TLST- DS ngày 22 tháng 02 năm 2024, về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 06/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Hồng V, sinh năm: 1950 (có mặt)

Trú tại: Khối Quang Trung, phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1958 (Vắng mặt)

Trú tại: Khối Tân Tiến, phường Hòa Hiếu, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An

3. Người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan:

Ông Hoàng Cao Q (Vắng mặt)

Trú tại: Khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ an

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2024 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Hồng V thống nhất trình bày như sau:

Do có quen biết với bà Nguyễn Thị L nên ngày 01/6/2012, bà V đã cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Mục đích cho bà L vay tiền là để làm ăn. Khi vay bà L là người viết và ký vào giấy vay tiền, không thỏa thuận về lãi suất cũng như thời hạn trả nợ. Sau một thời gian thì bà L bỏ đi khỏi địa phương, khi bà L trở về thì bà có đến đòi nhưng bà L không trả. Đến năm 2013 thì chồng bà L là ông Hoàng Cao Q có gạt nợ cho bà 01 bộ bàn ghế với giá 30.000.000đ (ba mươi

triệu đồng) do đó hiện tại bà L còn nợ bà số tiền 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng). Ngày 14 tháng 12 năm 2023 bà V đã gửi thông báo yêu cầu bà L thanh toán khoản nợ còn lại trước ngày 19/12/2023 nhưng bà L không trả. Vậy nay bà Võ Thị Hồng V khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L thanh toán tiền nợ gốc là 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi suất là 10%/năm (0,83%/tháng). Tuy nhiên tại phiên tòa bà Võ Thị Hồng V rút yêu cầu tiền lãi chỉ yêu cầu bà L thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, làm việc với anh Hoàng Văn Q1 là con trai của bà L yêu cầu ông Q1 gọi điện thông báo cho bà L biết về thời gian làm việc, yêu cầu bà L cung cấp địa chỉ và ý kiến của bà L đối với yêu cầu của bà V nhưng bà L vẫn không có mặt.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024 Tòa án nhận được bản khai đề ngày 13/6/2024 của bà Nguyễn Thị L với nội dung:

Vào năm 2012 bà có vay của bà Võ Thị Hồng V số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 2.000đ/1.000.000đ/01 ngày, không xác định thời hạn trả nợ. Sau đó bà L đã trả cho bà V được số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) bằng hình thức gặt 01 bộ bàn ghế, hiện tại bà L còn nợ bà V số tiền 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng). Tuy nhiên do bà L hiện đã già, thu nhập thấp nên chưa có để thanh toán số tiền trên cho bà V được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên tòa cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị L phải thanh toán hợp đồng vay tài sản cho bà Võ Thị Hồng V với số tiền nợ gốc còn lại là 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng). Đình chỉ yêu cầu tiền lãi trên số tiền nợ gốc là 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 01/6/2012

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi đã có đơn xin được miễn án phí nên đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí cho bà Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 22/02/2024, bà Võ Thị Hồng V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết

buộc bà Nguyễn Thị L, trú tại khối T, phường H, thị xã T thanh toán hợp đồng vay tài sản. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Cao Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về chủ thể:* Bà Võ Thị Hồng V và bà Nguyễn Thị L là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó các bên đều có quyền ký kết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc giao dịch mà mình đã ký.

[2.2] *Về hình thức và nội dung của giấy vay tiền lập ngày 01/6/2012:* Bà Võ Thị Hồng V cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), mục đích vay để làm ăn, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền có chữ ký của người vay là bà Nguyễn Thị L. Giấy vay tiền không thể hiện tiền lãi, không xác định thời hạn trả nên xác định là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Khi ký kết các bên đều có năng lực pháp luật dân sự, điều tự nguyện. Vì vậy hợp đồng giữa các bên đã ký kết là hợp pháp, có hiệu lực đối với hai bên và cần được pháp luật bảo vệ.

[2.3] *Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán:* Theo giấy vay tiền ngày 01/6/2012 thì bà Nguyễn Thị L vay của bà Võ Thị Hồng V số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), không hẹn ngày trả cũng như lãi suất, giấy vay tiền có chữ ký, chữ viết của bà L. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà V đã nhiều lần yêu cầu bà L thanh toán, tuy nhiên đến năm 2013 bà Nguyễn Thị L mới thanh toán được cho bà V số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), hiện bà L còn nợ bà V số tiền 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) điều này đã được bà L thừa nhận, phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Do khoản vay của bà L không xác định thời hạn trả nợ, nên ngày 14/12/2023 bà V đã thông báo cho bà L và yêu cầu trả nợ trước ngày 19/12/2023 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 469 - BLDS năm 2015. Do đó nay bà Võ Thị Hồng V yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) là phù quy định tại các Điều 463; 466; 469 - BLDS năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] *Về yêu cầu lãi suất của nguyên đơn:* Mặc dù trong bản khai của bà L có thể hiện hai bên thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên giấy vay tiền ngày 01/6/2012 thể hiện các bên không thỏa thuận về tiền lãi suất, mặt khác bà V cũng khai không có lãi suất. Ngoài ý kiến của bà L trong bản khai thì không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện khoản vay của bà L là khoản vay có lãi. Do đó xác định hợp đồng vay là không có lãi suất. Ngày 14/12/2023 bà V đã gửi thông báo yêu cầu bà L phải trả nợ số tiền gốc còn lại là 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) trước ngày 19 tháng 12 năm 2023 tuy nhiên bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo nội dung thông báo. Do đó xác định ngày 20/12/2023 là ngày bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà V yêu cầu tính lãi

suất từ ngày 20/12/2023 với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả. Tuy nhiên tại phiên tòa bà Võ Thị Hồng V đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà L trả tiền lãi suất nữa. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà V là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ phần yêu cầu này.

[4] Án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST. Tuy nhiên bị đơn là người cao tuổi, đã có đơn xin được miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244; khoản 2 Điều 227; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm b khoản 1 Điều 688; Điều 280; 357; 463, 466 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng Vân

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán hợp đồng vay tài sản cho bà Võ Thị Hồng V với tiền nợ gốc là 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 01/6/2012.

Đình chỉ một phần yêu cầu của khởi kiện của bà Võ Thị Hồng V đối với bà Nguyễn Thị L về yêu cầu tính lãi suất trên số tiền nợ gốc 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 01/6/2012.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án với mức lãi suất là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị L

Bà Võ Thị Hồng V được miễn tiền tạm ứng án phí theo thông báo số 56/TB-TA ngày 22/02/2024 của TAND thị xã Thái Hòa

4. Nguyên đơn có mặt trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án được quyền kháng

cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Bị đơn, người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Xuân Quyền